

NHẬN ĐỊNH MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI NĂM HỌC 2023 - 2024 VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN

Đoàn Hoàng Anh^{1,✉}, Trương Quang Trung²

¹Trường Đại học Y Hà Nội

²Hệ thống Y tế Vinmec

Hiện nay, trên toàn thế giới thiếu hụt đến 5,9 triệu Điều dưỡng trong đó có khu vực Đông Nam Á, các quốc gia đang thiếu hụt cần đặt mục tiêu sinh viên điều dưỡng tốt nghiệp hướng tới duy trì lực lượng điều dưỡng chuyên nghiệp để tránh thiếu hụt nhân lực. Môi trường học tập của sinh viên Điều dưỡng đã nhận được sự quan tâm đặc biệt của các nhà giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội trong tương lai. Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 193 sinh viên Điều dưỡng tại Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội thông qua phỏng vấn bằng bộ câu hỏi được thiết kế sẵn nhằm nhận định môi trường học tập. Kết quả cho thấy đối tượng nghiên cứu nhận định môi trường học tập ở mức độ cao. Lĩnh vực giảng viên được đánh giá cao nhất cùng với các lĩnh vực giảng dạy, việc học và hoạt động xã hội đều đạt kết quả tích cực cho thấy mô hình đào tạo lấy sinh viên làm trung tâm hiệu quả. Nhận định môi trường học tập cũng cho kết quả có sự khác biệt theo năm học, sinh viên năm thứ tư có nhận định thấp hơn sinh viên năm thứ hai và năm thứ ba, phản ánh tác động của chương trình đào tạo theo từng giai đoạn.

Từ khóa: Sinh viên điều dưỡng, môi trường học tập, DREEM.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo báo cáo của WHO (2020) về thực trạng Điều dưỡng cho thấy hiện nay trên thế giới thiếu hụt đến 5,9 triệu Điều dưỡng và Đông Nam Á là một trong năm khu vực thiếu hụt nhiều nhất. Báo cáo cũng nêu rằng các quốc gia cần phải đảm bảo tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp hằng năm hướng tới duy trì lực lượng điều dưỡng chuyên nghiệp để tránh thiếu hụt nhân lực trên toàn cầu.¹

Mỗi năm có hàng nghìn sinh viên đăng ký ngành Điều dưỡng, tuy nhiên không phải tất cả sinh viên bắt đầu đều có thể hoàn thành chương trình học, nguyên nhân chủ yếu có liên quan đến sự kỳ vọng của sinh viên trong quá trình học tập.² Chính vì vậy, để đạt được môi trường

học tập tối ưu các nhà giáo dục phải đáp ứng được sự kỳ vọng của sinh viên trong bốn chủ đề chính bao gồm bầu không khí trường học, giảng dạy, khía cạnh con người (giảng viên, sinh viên, nhân viên nhà trường) và khía cạnh phi con người (trang thiết bị giáo dục, cơ sở vật chất).³ Hiện nay, việc đo lường môi trường giáo dục đã nhận được sự quan tâm đặc biệt của các nhà giáo dục.⁴ Các nghiên cứu đa phần có kết quả về môi trường học tập tích cực hơn tiêu cực, tuy nhiên vẫn còn tồn tại những điểm cần cải thiện ở lĩnh vực giảng dạy.^{5,6}

Tại Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội, ngành Điều dưỡng được tiến hành đào tạo theo quyết định 2905/QĐ-ĐHYHN từ năm 2020 theo chương trình các module có trình tự logic giúp sinh viên chủ động trong học tập. Tuy nhiên, xem xét phản hồi từ phía sinh viên về môi trường học tập của sinh viên Điều dưỡng tại Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội vẫn bỏ

Tác giả liên hệ: Đoàn Hoàng Anh

Trường Đại học Y Hà Nội

Email: doanhoanganh@hmu.edu.vn

Ngày nhận: 27/01/2026

Ngày được chấp nhận: 23/02/2026

ngò. Vậy các câu hỏi được đặt ra đó là: Môi trường học tập của sinh viên Điều dưỡng tại Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội như thế nào? Những yếu tố nào ảnh hưởng đến môi trường học tập của nhóm đối tượng tham gia nghiên cứu? Vì những lý do trên, nghiên cứu được thực hiện với 2 mục tiêu sau:

1. Mô tả môi trường học tập của sinh viên Điều dưỡng Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội năm học 2023 - 2024.

2. Mô tả một số yếu tố liên quan đến môi trường học tập của nhóm sinh viên Điều dưỡng tham gia nghiên cứu năm học 2023 - 2024.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

1. Đối tượng

Sinh viên Điều dưỡng đang học tập tại Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa, bao gồm từ khối Y2 đến Y4.

Tiêu chuẩn loại trừ

- Sinh viên không có mặt trong thời gian thu thập số liệu.

- Sinh viên không đồng ý tham gia nghiên cứu.

2. Phương pháp

Thiết kế nghiên cứu

Mô tả cắt ngang.

Thời gian nghiên cứu

Từ tháng 10/2023 đến tháng 06/2024.

Thời gian thu thập số liệu từ tháng 12/2023 - 01/2024.

Địa điểm nghiên cứu

Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại tỉnh Thanh Hoá.

Cỡ mẫu và chọn mẫu

Cỡ mẫu toàn bộ. Phương pháp chọn mẫu chủ đích: Toàn bộ sinh viên Điều dưỡng năm thứ hai đến năm thứ tư hệ chính quy tại Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại tỉnh Thanh Hoá có mặt tại thời điểm nghiên cứu và đồng

ý tham gia nghiên cứu. Tổng số 193/196 sinh viên Điều dưỡng đồng ý tham gia nghiên cứu. Tỷ lệ phản hồi chung là 98,47%.

Biến số/Chỉ số nghiên cứu

Thông tin chung của ĐTN

Giới tính, năm học, kết quả học tập.

Nhận định về giảng dạy

+ Cách tổ chức giảng dạy.

+ Phương pháp giảng dạy.

+ Định hướng học tập cho sinh viên.

Nhận định về giảng viên

+ Năng lực chuyên môn.

+ Thái độ của giảng viên.

+ Phong cách của giảng viên.

+ Phản hồi của giảng viên.

Nhận định về việc học của sinh viên

+ Mức độ tự tin của sinh viên.

+ Khả năng ghi nhớ của sinh viên.

+ Sự chuẩn bị cho bài học của sinh viên.

+ Động lực học tập của sinh viên.

Bầu không khí học tập

+ Mức độ thoải mái.

+ Cơ hội giao tiếp.

+ Mức độ căng thẳng của sinh viên.

+ Môi trường lớp học.

Hoạt động xã hội và hỗ trợ

+ Quan hệ xã hội của sinh viên.

+ Hỗ trợ tâm lý và hỗ trợ học tập.

+ Mức độ cô đơn của sinh viên.

+ Điều kiện sống và sinh hoạt của sinh viên.

Công cụ thu thập số liệu

Sử dụng bộ câu hỏi tự điền dựa trên bộ công cụ Dundee Ready Educational Environment Measure (DREEM) của tác giả Roff đã được dịch và chuẩn hoá thành bộ công cụ đánh giá giáo dục điều dưỡng bởi tác giả Hoàng Lan Vân và cộng sự (2020), đạt điểm chỉ số hiệu lực nội dung (CVI) là 0,94.⁷ Bộ câu hỏi gồm 2 phần:

- Phần A: Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu (3 câu).

- Phần B: Môi trường giáo dục điều dưỡng (50 câu).

Cách tính điểm:

Bộ công cụ DREEM được đánh giá bằng thang Likert 4 điểm bao gồm: Rất đồng ý (4), Đồng ý (3), Không đồng ý (2) và Rất không đồng ý (1). Câu hỏi được cho là tích cực có điểm trung bình $\geq 3,5$ còn tiêu cực có điểm trung bình < 2 , câu hỏi cần được cải thiện nằm giữa hai giới hạn trên. Tổng điểm tối đa cho bảng câu hỏi là 200, được hiểu như sau: 0-50 = rất kém, 51-100 = nhiều vấn đề, 101-150 = tích cực hơn tiêu cực, 151-200 = xuất sắc. Tuy nhiên, 9 trong số 50 mục (số 4, 8, 9, 17, 25, 35, 39, 48 và 50) là những câu phủ định và cần được tính điểm theo cách ngược lại, do đó sau khi đảo ngược, điểm cao hơn cho thấy sự không đồng ý với mục đó.⁸

Quy trình thu thập số liệu

Sau khi được sự cho phép của cơ sở đào tạo và giảng viên phụ trách lớp, nhóm nghiên cứu đến trực tiếp từng lớp để tiến hành thu thập số liệu, trình bày rõ mục đích của nghiên cứu, tiến hành phát phiếu khảo sát, giám sát quá trình điền phiếu và giải đáp thắc mắc. Sau đó thu lại phiếu khảo sát, kiểm tra số lượng và chất lượng trước khi xử lý số liệu.

Xử lý và phân tích số liệu

Số liệu được làm sạch trước khi phân tích và sử dụng phần mềm SPSS 20.0 để xử lý số liệu. Sử dụng thống kê mô tả: tỉ lệ phần trăm, giá trị trung bình, độ lệch chuẩn, giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất. Thống kê phân tích: sử dụng phép kiểm Student T test và ANOVA để so sánh giữa các nhóm.

3. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu đã được sự đồng ý của cơ sở đào tạo nơi tiến hành nghiên cứu. Đối tượng tham gia nghiên cứu được giải thích rõ ràng về mục đích, ý nghĩa của nghiên cứu và tự nguyện tham gia nghiên cứu thể hiện qua chữ ký thỏa thuận đồng ý tham gia nghiên cứu của sinh viên. Việc thu thập số liệu được tiến hành vào thời điểm thuận tiện cho sinh viên, các thông tin cá nhân được đảm bảo giữ bí mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu. Trong quá trình tham gia sinh viên có quyền rút khỏi nghiên cứu bất cứ lúc nào.

III. KẾT QUẢ

Trong tổng số 193 sinh viên tham gia nghiên cứu, có 87,56% sinh viên là nữ. Tỉ lệ sinh viên Điều dưỡng dựa trên số năm theo học tương đối bằng nhau, năm thứ ba chiếm tỷ lệ nhiều nhất là 35,23%. Sinh viên đạt kết quả học tập xếp loại từ khá trở lên có tỉ lệ 58%.

Bảng 1. Môi trường học tập của sinh viên Điều dưỡng (n = 193)

Nội dung	Số câu hỏi	Giá trị nhỏ nhất - lớn nhất	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	%
Nhận định của SV về giảng dạy	12	18 - 44	34,70	3,44	72,29
Nhận định của SV về giảng viên	11	18 - 41	32,90	3,47	74,77
Nhận định của SV về việc học	8	16 - 32	23,33	2,67	72,90
Nhận định của SV về bầu không khí	12	25 - 44	33,93	3,22	70,68
Nhận định của SV về hoạt động xã hội	7	13 - 28	20,10	2,26	71,78
Tổng điểm DREEM	50	102 - 184	144,98	11,93	72,49

Tổng điểm DREEM là $144,98 \pm 11,93$ (chiếm 72,49% điểm tối đa), cả năm thang đo phụ đều đạt trên 50% tổng điểm của thang đo đó. Mặc

dù có sự khác biệt ở năm thang đo phụ, tuy nhiên không có sự chênh lệch đáng kể.

Bảng 2. Mối liên quan giữa giới tính và môi trường học tập (n = 193)

Nội dung	Giới tính (Trung bình \pm độ lệch chuẩn)		Student T test
	Nam	Nữ	
Nhận định của sinh viên về giảng dạy	$33,16 \pm 5,44$	$34,92 \pm 3,01$	t = -1,553 p = 0,133
Nhận định của sinh viên về giảng viên	$32,41 \pm 4,94$	$32,97 \pm 3,23$	t = -0,533 p = 0,599
Nhận định của sinh viên về việc học	$23,75 \pm 3,30$	$23,27 \pm 2,57$	t = 0,809 p = 0,420
Nhận định của sinh viên về bầu không khí	$35,54 \pm 2,88$	$33,71 \pm 3,21$	t = 2,645 p = 0,009
Nhận định của sinh viên về hoạt động xã hội	$20,58 \pm 2,16$	$20,03 \pm 2,27$	t = 1,110 p = 0,268
Tổng điểm DREEM	$145,45 \pm 16,34$	$144,92 \pm 11,23$	t = 0,155 p = 0,878

Kết quả không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa sinh viên nam và sinh viên nữ khi nhận định môi trường học tập theo DREEM ($p > 0,05$).

Bảng 3. Mối liên quan giữa năm học và môi trường học tập (n = 193)

Nội dung	Năm học (Trung bình \pm Độ lệch chuẩn)			F	p
	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư		
Nhận định của sinh viên về giảng dạy	$34,42 \pm 3,59$	$35,60 \pm 3,20$	$34,04 \pm 3,40$	3,827	0,023
Nhận định của sinh viên về giảng viên	$32,81 \pm 3,38$	$33,70 \pm 3,12$	$32,15 \pm 3,76$	3,457	0,034
Tự nhận định của sinh viên về việc học	$23,66 \pm 2,51$	$23,64 \pm 2,72$	$22,72 \pm 2,68$	2,654	0,073
Nhận định của sinh viên về bầu không khí	$35,01 \pm 2,08$	$34,00 \pm 3,45$	$32,90 \pm 3,52$	7,104	0,001
Tự nhận định của sinh viên về hoạt động xã hội	$20,45 \pm 2,00$	$20,20 \pm 2,26$	$19,68 \pm 2,44$	1,956	0,144
Tổng điểm DREEM	$146,37 \pm 11,00$	$147,16 \pm 11,64$	$141,51 \pm 12,41$	4,473	0,013

Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa năm học khi nhận định môi trường học tập theo DREEM ($p < 0,05$). Trong đó, sinh viên năm thứ tư có nhận định môi trường học tập thấp hơn năm thứ hai và năm thứ ba.

Phân tích Post - Hoc test ANOVA cho kết quả nhóm sinh viên năm thứ tư so với nhóm sinh viên năm thứ hai có sự khác biệt có ý

nghĩa thống kê ở lĩnh vực về bầu không khí và tổng điểm DREEM, nhóm sinh viên năm thứ tư so với nhóm sinh viên năm thứ ba có sự khác biệt 4/5 lĩnh vực và tổng điểm DREEM có ý nghĩa thống kê $p < 0,05$ bao gồm các lĩnh vực: về giảng dạy, giảng viên, về việc học và bầu không khí.

Bảng 4. Mối liên quan giữa kết quả học tập và môi trường học tập (n = 193)

Nội dung	Kết quả học tập (Trung bình \pm Độ lệch chuẩn)		Student T test
	Xếp loại \geq Khá	Xếp loại $<$ Khá	
Nhận định của sinh viên về giảng dạy	34,73 \pm 3,79	34,67 \pm 2,91	t = 0,105 p = 0,916
Nhận định của sinh viên về giảng viên	32,76 \pm 3,54	33,08 \pm 3,39	t = -0,627 p = 0,531
Nhận định của sinh viên về việc học	23,00 \pm 2,67	23,79 \pm 2,61	t = -2,020 p = 0,045
Nhận định của sinh viên về bầu không khí	33,34 \pm 3,42	34,75 \pm 2,74	t = -3,162 p = 0,002
Nhận định của sinh viên về hoạt động xã hội	19,95 \pm 2,41	20,30 \pm 2,03	t = -1,070 p = 0,286
Tổng điểm DREEM	143,81 \pm 12,50	146,61 \pm 10,97	t = -1,617 p = 0,107

Kết quả không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa kết quả học tập của sinh viên Điều dưỡng với tổng điểm DREEM về môi trường học tập ($p > 0,05$).

IV. BÀN LUẬN

Sinh viên Điều dưỡng Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại tỉnh Thanh Hóa nhận định về môi trường học tập qua năm lĩnh vực: giảng dạy, giảng viên, việc học cá nhân, bầu không khí và hoạt động xã hội. Trong đó, lĩnh vực nhận định về giảng viên được đánh giá cao nhất với giá trị trung bình là 32,90 \pm 3,47, chiếm 74,77%. Kết quả này cao hơn kết quả của tác giả Trần Bảo Ngọc tại Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên năm 2017 và tương đương với nghiên cứu của

tác giả Trần Thái Phúc tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình năm 2022.^{10,11} Đặc biệt, nghiên cứu cũng có kết quả giống với kết quả của tác giả Đỗ Thị Thanh trên đối tượng bác sĩ đa khoa tại Trường Đại học Y Hà Nội năm học 2021 - 2022.¹² Kết quả này tiếp tục cho thấy Trường Đại học Y Hà Nội - ngôi trường có lịch sử lâu đời nhất tại Việt Nam là một trong những ngôi trường hàng đầu đào tạo y khoa trên cả nước với độ ngũ giảng viên chất lượng cao. Ngoài ra,

kết quả cũng chỉ ra rằng sinh viên đánh giá tốt về giảng viên của họ cả về chuyên môn lẫn thái độ, giảng viên đã có sự chuẩn bị tốt không chỉ về kiến thức truyền đạt mà cả về bài giảng mỗi khi giảng dạy.

Nhận định của sinh viên Điều dưỡng về việc học là lĩnh vực được nhận định cao thứ hai với giá trị trung bình $23,33 \pm 2,67$, chiếm 72,90%. Kết quả cao hơn so với nghiên cứu của tác giả Trần Bảo Ngọc và Đỗ Thị Thanh nhưng thấp hơn nghiên cứu của tác giả Trần Thái Phúc.¹⁰⁻¹² Sinh viên nhận định rằng mình được cung cấp một nền tảng vững chắc, được trang bị những thứ cần thiết cho hành trang tương lai tuy nhiên họ không chắc rằng mình có thể ghi nhớ hết những thứ mình cần. Điều này có thể liên quan đến lộ trình học tập khá dày đặc của sinh viên Điều dưỡng tại Trường Đại học Y Hà Nội khi phải thi cử và học tập các module liên tiếp nhau và không có thời gian nghỉ giữa các module.

Lĩnh vực giảng dạy là lĩnh vực có nhận định cao tiếp theo với giá trị trung bình $34,70 \pm 3,44$ chiếm 72,29%. Kết quả tương đương với kết quả của tác giả Trần Thái Phúc và cao hơn kết quả nghiên cứu của tác giả Trần Bảo Ngọc, Đỗ Thị Thanh.¹⁰⁻¹² Sinh viên nhận định môi trường học tập có sự công bằng giữa lý thuyết và lâm sàng, chương trình giảng dạy lấy sinh viên làm trung tâm, thúc đẩy sinh viên trong công việc học tập. Sinh viên là người quyết định những gì họ cần học dựa theo mục tiêu học tập đã được nêu rõ, từ đó có thể giúp sinh viên hiểu sâu và áp dụng nhuần nhuyễn vào thực tế.

Nhận định của sinh viên Điều dưỡng về hoạt động xã hội có giá trị trung bình $20,10 \pm 2,26$, chiếm 71,78%. Kết quả của lĩnh vực này cao hơn một số nghiên cứu trong nước sử dụng bộ công cụ DREEM.¹⁰⁻¹² Sinh viên nhận định hoạt động xã tại Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội khá tốt, sinh viên đa phần đều có nhiều mối quan hệ tốt và cảm thấy không mệt mỏi, chán

nản đối với khóa học. Điều này có thể do Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa có số lượng sinh viên tương đối ít, sinh viên sống trong một quần thể không quá lớn đã giúp cho mối quan hệ giữa người với người trở nên thân thiết và gắn bó hơn.

Bầu không khí trong môi trường học tập có giá trị trung bình là $33,93 \pm 3,22$, chiếm 70,68%. Lĩnh vực có số điểm thấp nhất trong năm lĩnh vực, tuy nhiên chênh lệch không đáng kể và vẫn là một kết quả cao so với các nghiên cứu trong nước.¹⁰⁻¹² Sinh viên Điều dưỡng nhận định môi trường học tập có thể thoải mái học tập và trao đổi những điều cần thiết, là một môi trường nghiêm túc gần như không có sự gian lận, thúc đẩy người học tích cực trong quá trình học tập. Tuy nhiên, lĩnh vực này vẫn cần có sự cải thiện để có kết quả cao hơn.

Nghiên cứu cho kết quả tổng điểm DREEM về môi trường học tập là $144,98 \pm 11,93$ (chiếm 72,49% điểm tối đa), môi trường học tập của sinh viên Điều dưỡng chỉ mới đạt đến mức tích cực hơn tiêu cực. Kết quả cao hơn các nghiên cứu của tác giả Trần Thái Phúc tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình năm 2022 có tổng điểm DREEM là 138,7 điểm.¹⁰ Ngoài ra, kết quả của nghiên cứu cũng cao hơn so với kết quả của tác giả Đỗ Thị Thanh trên đối tượng bác sĩ đa khoa năm thứ 6 Trường Đại học Y Hà Nội năm học 2021 - 2022 với 128,23 điểm.¹² Kết quả này có được do Trường Đại học Y Hà Nội đã dành nhiều tâm huyết đầu tư và tạo điều kiện cho Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại tỉnh Thanh Hóa phát triển trong suốt những năm qua. Mặc dù điểm số này đã nêu bật được nhiều ưu điểm của môi trường học tập tại Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội, song vẫn cần có những bước cải tiến để hoàn thiện hơn về môi trường học tập tại đây nhằm có những tác động tích cực đến kiến thức, thành tích, sự hài lòng và thành công của sinh viên.

Giữa môi trường học tập và các yếu tố liên quan, chỉ có yếu tố năm học cho kết quả có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê. Trong đó, sinh viên năm thứ tư có nhận định về môi trường học tập thấp hơn năm thứ hai và năm thứ ba. Kết quả này trái ngược với kết quả nghiên cứu của tác giả Gosak tại Slovenia năm 2021 và giống kết quả nghiên cứu của tác giả Hoàng Thị Huệ tại một trường đại học tại Việt Nam năm 2024.^{16,17} Sự khác biệt về kết quả trong các nghiên cứu có thể liên quan đến chương trình đào tạo của các trường y, giữa các năm học sẽ có mức độ nặng nhẹ về kiến thức và thực hành khác nhau. Tại Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội, sinh viên Điều dưỡng năm thứ hai có thể dễ cảm thấy áp lực học tập hơn do giai đoạn bắt đầu thực tập lâm sàng. Đối với sinh viên năm thứ ba, mức độ áp lực có xu hướng giảm, có thể liên quan đến việc người học đã quen với lộ trình học tập. Trong khi đó, sinh viên năm thứ tư có thể đối mặt với áp lực gia tăng, xuất phát từ việc chuẩn bị cho quá trình tốt nghiệp.

HẠN CHẾ NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu là kết quả của các thông tin thu thập được tại một thời điểm, mỗi đối tượng chỉ thu thập thông tin một lần và không theo dõi xuôi theo thời gian, vì thế mối liên hệ giữa môi trường với các yếu tố liên quan không có mối liên hệ nhân quả.

Nghiên cứu sử dụng bảng câu hỏi tự điền là công cụ thu thập số liệu tuy dễ dàng thu thập và thực hiện nhưng có thể có những sai số đo lường liên quan đến tâm trạng cảm xúc của người được khảo sát hay sai lệch do nhớ lại, sai lệch do xu hướng trả lời.

Nghiên cứu chỉ thực hiện khảo sát trên đối tượng sinh viên Điều dưỡng tại Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội, do vậy chưa thể khái quát hóa môi trường học tập tại Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội.

V. KẾT LUẬN

Sinh viên Điều dưỡng nhận định môi trường học tập tích cực hơn tiêu cực, cả năm lĩnh vực đều đạt trên 50% tổng điểm thang đo, phản ánh môi trường học tập có nhiều điểm mạnh. Trong đó lĩnh vực giảng viên được sinh viên đánh giá cao nhất, thể hiện thế mạnh về chuyên môn và phong cách giảng dạy. Các lĩnh vực giảng dạy, việc học và hoạt động xã hội cũng ghi nhận kết quả khả quan, phản ánh mô hình đào tạo lấy sinh viên làm trung tâm đang phát huy hiệu quả, tuy nhiên vẫn cần cải thiện ở tất cả các lĩnh vực. Yếu tố năm học và môi trường học tập được xác định có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê, trong đó sinh viên năm thứ tư nhận định môi trường học tập thấp hơn sinh viên năm thứ hai và năm thứ ba, kết quả phản ánh đúng chương trình đào tạo sinh viên Điều dưỡng theo từng năm học của Trường Đại học Y Hà Nội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. World Health Organization. *State of the World's Nursing 2020: Investing in Education, Jobs and Leadership*. World Health Organization; 2020. Accessed November 12, 2023.
2. Canzan F, Saiani L, Mezzalana E, et al. Why do nursing students leave bachelor program? Findings from a qualitative descriptive study. *BMC Nurs*. 2022; 21: 71. doi:10.1186/s12912-022-00851-z.
3. Aghamolaei T, Shirazi M, Dadgaran I, et al. Health students' expectations of the ideal educational environment: a qualitative research. *J Adv Med Educ Prof*. 2014; 2(4): 151-157.
4. Soemantri D, Herrera C, Riquelme A. Measuring the educational environment in health professions studies: A systematic review. *Medical Teacher*. 2010; 32(12): 947-952.
5. Farooq S, Rehman R, Hussain M, et al.

Comparison of undergraduate educational environment in medical and nursing program using the DREEM tool. *Nurse Education Today*. 2018; 69: 74-80.

6. Barcelo JM. Medical laboratory science and nursing students' perception of academic learning environment in a Philippine university using Dundee Ready Educational Environment Measure (DREEM). *J Educ Eval Health Prof*. 2016; 13: 33.

7. Hoàng Lan Vân, McCarthy S, Ramsbotham J. Dịch và chuẩn hóa bộ công cụ đánh giá giáo dục DREEM: Nghiên cứu bước đầu về giáo dục điều dưỡng tại Việt Nam. *Tạp chí Điều dưỡng*. 2020; 84-89.

8. Shrestha E, Mehta RS, Mandal G, et al. Perception of the learning environment among the students in a nursing college in Eastern Nepal. *BMC Med Educ*. 2019; 19: 382.

9. Hamid B, Faroukh A, Mohammadhosein B. Nursing Students' Perceptions of their Educational Environment Based on DREEM Model in an Iranian University. *Malays J Med Sci*. 2013; 20(4): 56-63.

10. Trần Thái Phúc, Phạm Thị Nga. Phản hồi của sinh viên điều dưỡng về môi trường học lý thuyết và lâm sàng của Trường Đại học Y Dược Thái Bình năm 2022. *Tạp chí Y học cộng đồng*. 2023; 64(5).

11. Trần Bảo Ngọc, Lê Thị Lựu, Bùi Thanh Thủy. Nhận thức của sinh viên dược về môi trường giáo dục tại Trường Đại học Y Dược -

Đại học Thái Nguyên bằng bảng hỏi DREEM. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên*. 2017; 170(10).

12. Đỗ Thị Thanh, Kim Bảo Giang, Phạm Bích Diệp, và cs. Thực trạng môi trường học tập của sinh viên năm 6 ngành Bác Sĩ Đa Khoa tại Trường Đại học Y Hà Nội năm học 2021-2022. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2024; 535(1).

13. Soemantri D, Herrera C, Riquelme A. Measuring the educational environment in health professions studies: A systematic review. *Medical Teacher*. 2010; 32(12): 947-952.

14. Rossini S, Bulfone G, Vellone E, et al. Nursing students' satisfaction with the curriculum: An integrative review. *Journal of Professional Nursing*. 2021; 37(3): 648-661.

15. Culturally Competent Nursing Care. *Critical Care Nurse*. American Association of Critical-Care Nurses. Accessed November 30, 2023.

16. Gosak L, Fijačko N, Chabrera C, et al. Perception of the online learning environment of nursing students in Slovenia: validation of the DREEM questionnaire. *Healthcare*. 2021; 9(8): 998. doi:10.3390/healthcare9080998.

17. Hoàng Thị Huệ, Bùi Thị Hiền, Phan Hồng Hạnh, và cs. Examining nursing students' perceptions of educational environment: further validation of DREEM instrument. *Tạp chí Khoa học Điều dưỡng*. 2024; 7(01): 6-23. doi:10.54436/jns.2024.01.675.

Summary

ASSESSMENT OF THE LEARNING ENVIRONMENT AMONG NURSING STUDENTS AT HANOI MEDICAL UNIVERSITY - THANH HOA CAMPUS IN THE ACADEMIC YEAR 2023–2024

A global shortage of approximately 5.9 million nurses, including in Southeast Asia, highlights the need for countries to support nursing graduates in sustaining a professional nursing workforce. The learning environment of nursing student has received increasing attention from educators in response to future healthcare demands. A cross-sectional descriptive study was conducted among 193 nursing students at the Thanh Hoa Campus of Hanoi Medical University using a structured questionnaire to evaluate their perceptions of the learning environment. The findings indicated that students rated their overall learning environment at a high level. The faculty domain scored the highest, while other domains-including teaching, learning, and social self-perception - also received positive results, highlighting the effectiveness of a student-centered educational model. Perceptions of the learning environment differed by academic year, with fourth-year students reporting lower evaluations than second- and third-year students; this difference may be associated with curricular characteristics across different stages of training.

Keywords: Nursing students, learning environment, DREEM.